TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG
KHOA KINH TẾ - XÃ HỘI

ĐỒ ÁN MÔN HỌC

GIẢI PHÁP HẠN CHẾ RỦI RO TRONG THANH TOÁN TÍN DỤNG CHỨNG TỪ CHO HÀNG XUẤT

Chuyên ngành: QUẢN TRỊ KINH DOANH

Sinh viên thực hiện: LÊ VĂN TRUYỀN
Lớp: ĐHQTKD07. Mã Số SV: 007115151

Giảng viên hướng dẫn: ThS. ĐẶNG THỊ MỸ DUNG

Tiền Giang, năm 2010

MỤC LỤC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG 1
KHOA KINH TẾ - XÃ HỘI 1
ĐỒ ÁN MÔN HỌC 1
Chuyên ngành: QUẢN TRỊ KINH DOANH 1
Sinh viên thực hiện: LÊ VĂN TRUYỀN 1
Giảng viên hướng dẫn: ThS. ĐẶNG THỊ MỸ DUNG 1
Tiền Giang, năm 2010 1
LỜI CẢM ƠN 5
LỜI MỞ ĐẦU 6
1. Lý do chọn đề tài: 6
2. Mục tiêu nghiên cứu: 7
3. Phạm vi, đối tượng nghiên cứu: 7
4. Phương pháp nghiên cứu: 7
5. Kết cấu của đề tài: 7
CHƯƠNG 1 8
1.1. Thanh toán quốc tế: 8
1.1.1. Khái niệm về thanh toán quốc tế: 8
1.1.2. Vai trò của hoạt động thanh toán quốc tế: 8
Đối với nền kinh tế: 8
Đối với khách hàng: 9
Đối với bản thân ngân hàng: 9
1.2. Giới thiệu về phương thức thanh toán TDCT: 10
1.2.1. Khái niệm về phương thức thanh toán TDCT: 10
1.2.2. Các bên có liên quan trong phương thức thanh toán tín dụng chứng từ trong ngoại thương: 10
1. Người xin mở thư tín dụng (The applicant for credit): là nhà nhập khẩu, người mua. 10
2. NH phát hành thư tín dụng (The issuing/opening bank): 11
Theo điều 1 của UCP 600 ghi rõ: 14
1.2.4. Quy trình, nghiệp vụ thanh toán TDCT: 15
Điều 4 của UCP 600 ghi rõ: 16
1.2.6. Phân loại L/C: 19
(1) Thư tín dụng không hủy ngang (Irrevocable letter of credit): 19
(2) Thư tín dụng không hủy ngang có xác nhận (Confirmed L/C): 19

(3) Thư tín dụng trả ngay (L/C at sight): 20
(4) Thư tín dụng trả chậm (Deferred L/C): 20
(6) Thư tín dụng tuần hoàn: 21
Thư tín dụng tuần hoàn có hai loại: 21
(7) Thư tín dụng chuyển nhượng: 22
(8) Thư tín dụng giáp lưng: 22
1.3.1. Khái niệm rủi ro: 23
1.3.2. Rủi ro trong thanh toán quốc tế: 24
1.3.2.1. Rủi ro quốc gia: 24
1.3.2.2. Rủi ro về quản lý hối đoái: 24
1.3.2.3. Rủi ro đối tác: 25
CHƯƠNG 2 25
2.1. Rủi ro đối với góc độ NH: 25
2.1.1. NH phát hành L/C (Issuing Bank) hay NH mở L/C (Opening Bank): 25
2.1.2. NH thông báo (Advising Bank): 27
2.1.3. NH xác nhận (Confirming Bank): 27
2.1.4. NH được chỉ định (Nominated Bank): 27
Thiệt hại: 28
Nguyên nhân: 28
2.2. Rủi ro đối với góc độ doanh nghiệp: 28
2.2.1. Rủi ro đối với nhà xuất khẩu: 28
Thiệt hại: 31
Nguyên nhân: 31
2.2.2. Rủi ro đối với nhà nhập khẩu: 31
Thiệt hại: 33
CHƯƠNG 3 34
3.1. Những giải pháp tầm vĩ mô: 34
3.1.1. Hoàn thiện môi trường pháp lý cho hoạt động TTQT, trước hết là phương thức thanh toán TDCT: 34
3.1.2. Tổ chức thực hiện tốt thị trường ngoại tệ liên NH, tạo điều kiện cho thị trường hối đoái Việt Nam ngày càng phát triển: 35
3.1.3. Các NHTM khi tham gia vào thanh toán TDCT phải ban hành, bổ sung, hoàn chỉnh quy trình cụ thể, chặt chẽ, rõ ràng: 36
3.2. Những giải pháp tầm vi mô: 36
3.2.1. Dưới góc độ NH: 37
3.2.1.1. Hiện đại hóa công nghệ NH: 37
3.2.1.2. Chuẩn hoá quy trình nghiệp vụ thanh toán TDCT: 37

3.2.1.3. Nâng cao trình độ nghiệp vụ thanh toán viên: 38
3.2.1.4. Những giải pháp về hoạt động nghiệp vụ: 38
a. Đối với L/C NK trả ngay: 38
b. Đối với L/C NK trả chậm: 39
c. Đối với L/C xuất khẩu: 40
3.2.1.5. Giải pháp về mặt kiểm tra - kiểm soát: 41
3.2.2. Dưới góc độ doanh nghiệp: 41
3.3. Khuyến nghị đối với các ngành có liên quan: 42
KẾT LUẬN 44
MỤC LỤC 46
LỜI MỞ ĐẦU 46
PHẦN NỘI DUNG 46
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN 46
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HẠN CHẾ RỦI RO TRONG THANH TOÁN 47
3.1.1. Hoàn thiện môi trường pháp lý cho hoạt động TTQT, trước hết là 47
3.1.3. Các NHTM khi tham gia vào thanh toán TDCT phải ban hành, bổ sung, 47
KẾT LUẬN 47
TÀI LIỆU THAM KHẢO 47
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT 47
TÀI LIỆU THAM KHẢO 48
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT 50

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên em xin chân thành bày tỏ lòng cảm ơn và kính trọng sâu sắc đối với Cô Đặng Thị Mỹ Dung, người đã tận tình hướng dẫn Em trong suốt quá trình hoàn thành đồ án này. Cô đã mở ra cho Em những vấn đề khoa học rất lý thú, hướng Em vào nghiên cứu các lĩnh vực hết sức thiết thực và vô cùng bổ ích, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho Em học tập và nghiên cứu. Em đã học hỏi được rất nhiều ở Cô Dung cách làm việc, cũng như phương pháp nghiên cứu khoa học… Em được Cô cung cấp tài liệu, các chỉ dẫn hết sức quý báu khi cần thiết trong suốt thời gian thực hiện đồ án.

Em cũng xin thể hiện sự kính trọng và lòng biết ơn đến Quý Thầy Cô trong khoa kinh tế - xã hội của trường Đại học Tiền Giang, những người đã trang bị cho Em rất nhiều kiến thức chuyên ngành, cũng như sự chỉ bảo, giúp đỡ tận tình của quý Thầy Cô đối với chúnng em trong suốt quá trình học tập. Tất cả các kiến thức mà Em lĩnh hội được từ bài giảng của các Thầy Cô là vô cùng quý giá.

Và sau cùng, chúng con xin cảm ơn cha mẹ, những người đã sinh thành, dưỡng dục và nuôi dạy chúng con nên người. Suốt đời này chúng con luôn ghi nhớ ơn Người.

Mỹ Tho, tháng 12/2010

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài:

Đối với thế giới Việt Nam là một nước đang trong quá trình phát triển. Chúng ta còn thua xa các nước phát triển và ngay cả những nước lân cận trong khu vực Asean. Do đó, không ngừng đổi mới và phát triển là hành động cấp thiết để rút ngắn khoảng cách này.

Năm 1986, thời kỳ đổi mới của Việt Nam bắt đầu khởi động, chuyển đổi từ nền kinh tế chỉ huy tập trung sang nền kinh tế thị trường. Trong chiến lược phát triển kinh tế của quốc gia, XK là lĩnh vực được quan tâm hàng đầu, trong đó hướng là mục tiêu tăng trưởng. Từ khi đổi mới đến nay, kinh tế Việt Nam không ngừng phát triển, kim ngạch XK không ngừng gia tăng. Trong đó, hoạt động kinh tế quốc tế ngày càng phát triển mạnh mẽ và chiếm một vị trí quan trọng đặc biệt trong giai đoạn công nghiệp hoá - hiện đại hoá của nước ta. Với tư cách là chất xúc tác cho sự phát triển của thương mại quốc tế, công tác TTQT cũng không ngừng được mở rộng và phát triển. Song, khi thương mại quốc tế càng phát triển thì mối quan hệ giữa người mua và người bán càng trở nên đa dạng và phức tạp. Giữa người mua và người bán cần có những phương thức thanh toán phù hợp, thuận tiện cũng như an toàn cho cả hai bên. Có rất nhiều phương thức thanh toán phổ biến như: nhờ thu (collection), đổi chứng từ trả tiền (CAD), ghi sổ (open account), tín dụng chứng từ…

Trong đó, TDCT là phương thức được sử dụng rộng rãi, an toàn vì có sự cam kết trả tiền của bên thứ ba là NH. Bản thân phương thức thanh toán TDCT tỏ ra ưu việt, song nó không phải là phương thức thanh toán tránh được rủi ro cho các bên tham gia một cách tuyệt đối. Thực tế cho thấy, các bên tham gia của Việt Nam bước vào thị trường thế giới đa phần là mới lạ, kinh nghiệm còn non trẻ. Trong điều kiện đó các NH và các doanh nghiệp XNK đã gặp nhiều khó khăn khi phát sinh những rủi ro trong việc thanh toán bằng TDCT, có trường hợp bị thiệt hại lên đến hàng triệu đôla. Do vậy, việc hoàn thiện và phát triển công tác TTQT, cụ thể là nghiên cứu và phòng chống rủi ro trong thanh toán TDCT là một trong những mối quan tâm thường xuyên của mỗi NH và cả doanh nghiệp.

Sau một thời gian học tập và nghiên cứu, em đã chọn đề tài: "**Giải pháp hạn chế rủi ro trong thanh toán hàng xuất theo phương thức tín dụng chứng từ**" cũng chỉ với mục đích làm sáng tỏ vị trí, vai trò của phương thức thanh toán TDCT trong nền kinh tế, luận giải có tính hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn, các

ưu nhược điểm và nguyên nhân gây ra rủi ro trong phương thức thanh toán này. Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện và hạn chế rủi ro trong TTQT nói chung và thanh toán TDCT nói riêng.

2. Mục tiêu nghiên cứu:

Việc nghiên cứu đề tài này nhằm đạt được các mục tiêu sau:

Thứ nhất, hiểu được một cách tổng thể phương thức thanh toán tín dụng chứng cho hàng xuất.

Thứ hai, xác định được những rủi ro trong thanh toán hàng xuất theo phương thức tín dụng chứng từ.

Thứ ba, trên cơ sở xác định và phân tích những rủi ro để tìm ra được những giải pháp hạn chế rủi ro trong thanh toán bằng phương thức tín dụng chứng từ.

3. Phạm vi, đối tượng nghiên cứu:

Đây là đề tài tập trung nghiên cứu những vấn đề chung nhất về các rủi ro trong phương thức thanh toán và những giải pháp để hạn chế rủi ro đó.

4. Phương pháp nghiên cứu:

Để nghiên cứu và cho ra đời sản phẩm có hiệu quả, chúng tôi đã sử dụng tập hợp các phương pháp như duy vật biện chứng, phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh... cùng với việc tham khảo các sách, tài liệu trong và nước ngoài có liên quan.

5. Kết cấu của đề tài:

Ngoài phần mở đầu và kết luận đề tài chia thành 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về phương thức tín dụng chứng từ và rủi ro khi áp dụng

Chương 2 : Thực trạng rủi ro trong thanh toán hàng xuất theo phương thức tín dụng chứng từ

Chương 3 : Giải pháp hạn chế rủi ro trong thanh toán hàng xuất theo phương thức tín dụng chứng từ

CHƯƠNG 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN TÍN DỤNG CHỨNG TỪ

1.1. Thanh toán quốc tế:

1.1.1. Khái niệm về thanh toán quốc tế:

Thanh toán quốc tế (TTQT) là việc thực hiện các nghĩa vụ tiền tệ, phát sinh trên cơ sở các hoạt động kinh tế và phi kinh tế giữa các tổ chức hay cá nhân nước này với các tổ chức hay cá nhân nước khác, hoặc giữa một quốc gia với một tổ chức quốc tế, thường được thông qua quan hệ giữa các NH của các nước có liên quan.

1.1.2. Vai trò của hoạt động thanh toán quốc tế:

Đối với nền kinh tế:

Hoạt động TTQT đóng một vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế của đất nước. Một quốc gia không thể phát triển với chính sách đóng cửa, chỉ dựa vào tích lũy trao đổi trong nước mà phải phát huy lợi thế so sánh, kết hợp giữa sức mạnh trong nước với môi trường kinh tế quốc tế. Trong bối cảnh hiện nay, khi các quốc gia đều đặt kinh tế đối ngoại lên hàng đầu, coi hoạt động kinh tế đối ngoại là con đường tất yếu trong chiến lược phát triển kinh tế đất nước thì vai trò hoạt động của TTQT ngày càng được khẳng định.

TTQT là mắc xích không thể thiếu trong dây chuyền hoạt động kinh tế quốc dân. TTQT là khâu quan trọng trong giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ giữa các cá nhân, tổ chức thuộc các quốc gia khác nhau. TTQT góp phần giải quyết mối quan hệ hàng hóa tiền tệ, tạo nên sự liên tục của quá trình sản xuất và đẩy nhanh quá trình lưu thông hàng hóa trên phạm vi quốc tế. Nếu hoạt động

TTQT được tiến hành nhanh chóng, an toàn sẽ khiến hoạt động lưu thông hàng hóa tiền tệ giữa người mua, người bán diễn ra trôi chảy, an toàn hơn.

TTQT làm tăng cường các mối quan hệ giao lưu kinh tế giữa các quốc gia, giúp cho quá trình thanh toán diễn ra nhanh chóng, an toàn, tiện lợi và giảm bớt chi phí cho các chủ thể tham gia. Bên cạnh đó, hoạt động TTQT làm tăng khối lượng thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế, đồng thời thu hút một lượng ngoại tệ đáng kể vào Việt Nam.

Đối với khách hàng:

Vai trò trung gian thanh toán trong hoạt động TTQT của các NHTM giúp quá trình thanh toán theo yêu cầu của khách hàng được tiến hành nhanh chóng, chính xác, an toàn, tiện lợi và tiết kiệm tối đa chi phí. Trong quá trình thực hiện thanh toán, nếu khách hàng không có đủ khả năng tài chính cần đến sự tài trợ của ngân hàng (NH) thì NH sẽ chiết khấu bộ chứng từ. Qua việc thực hiện thanh toán, NH còn có thể giám sát được tình hình kinh doanh của doanh nghiệp để có những tư vấn cho khách hàng và điều chỉnh chiến lược khách hàng.

Đối với bản thân ngân hàng:

TTQT là một loại nghiệp vụ liên quan đến tài sản ngoại bảng của NH. Hoạt động TTQT giúp NH đáp ứng tốt hơn nhu cầu đa dạng của khách hàng về các dịch vụ tài chính có liên quan tới TTQT. Trên cơ sở đó giúp NH tăng doanh thu, nâng cao uy tín cho NH và tạo dựng niềm tin cho khách hàng. Điều đó không chỉ giúp NH mở rộng quy mô hoạt động mà còn là một ưu thế tạo nên sức cạnh tranh của NH trong cơ chế thị trường. Hoạt động TTQT không chỉ là một hoạt động đơn thuần mà còn là hoạt động hỗ trợ bổ sung cho các hoạt động kinh doanh khác của NH. Hoạt động TTQT được thực hiện tốt sẽ mở rộng cho hoạt động tín dụng XNK, phát triển hoạt động kinh doanh ngoại tệ, bảo lãnh NH trong ngoại thương, tài trợ thương mại và các hoạt động NH quốc tế khác.

Hoạt động TTQT làm tăng tính thanh khoản cho NH. Khi thực hiện nghiệp vụ TTQT, NH có thể thu được nguồn vốn ngoại tệ tạm thời nhàn rỗi của các doanh

nghiệp có quan hệ TTQT với các NH dưới hình thức các khoản ký quỹ chờ thanh toán.

TTQT còn tạo điều kiện hiện đại hóa công nghệ NH. Các NH sẽ áp dụng công nghệ tiên tiến để hoạt động TTQT được thực hiện nhanh chóng, kịp thời và chính xác nhằm phân tán rủi ro, góp phần mở rộng quy mô và mạng lưới ngân hàng.

Hoạt động TTQT cũng làm tăng cường mối quan hệ đối ngoại của NH, tăng cường khả năng cạnh tranh của NH, nâng cao uy tín của mình trên trường quốc tế, trên cơ sở đó khai thác nguồn tài trợ của các NH nước ngoài và nguồn vốn trên thị trường tài chính quốc tế để đáp ứng nhu cầu về vốn của ngân hàng.

Tóm lại, có thể khẳng định vai trò quan trọng của hoạt động TTQT của NHTM đối với khách hàng, nền kinh tế và bản thân ngân hàng.

1.2. Giới thiệu về phương thức thanh toán TDCT:

1.2.1. Khái niệm về phương thức thanh toán TDCT:

Phương thức tín dụng chứng từ (TDCT) là một sự thỏa thuận mà trong đó, một ngân hàng (ngân hàng mở thư tín dụng) theo yêu cầu của khách hàng (người xin mở thư tín dụng) cam kết sẽ trả một số tiền nhất định cho một người thứ ba (người hưởng lợi số tiền của thư tín dụng) hoặc chấp nhận hối phiếu do người thứ ba ký phát trong phạm vi số tiền đó khi người thứ ba này xuất trình cho ngân hàng một bộ chứng từ thanh toán phù hợp những quy định đề ra trong thư tín dụng.

Qua khái niệm này, ta nhận thấy với phương thức thanh toán TDCT: ngân hàng đã trực tiếp tham gia vào quá trình thanh toán bằng cách cam kết với người XK sẽ thanh toán tiền cho họ hoặc theo sự chỉ định của họ, nếu người XK thực hiện đúng nghĩa vụ của thư tín dụng quy định.

1.2.2. Các bên có liên quan trong phương thức thanh toán tín dụng chứng từ trong ngoại thương:

1. Người xin mở thư tín dụng (The applicant for credit): là nhà nhập khẩu, người mua.

* Nhiệm vụ và quyền lợi chủ yếu của người mở thư tín dụng:

Kịp thời làm giấy đề nghị mở L/C và các thủ tục có liên quan gửi tới NH.

Thực hiện ký quỹ (khi có yêu cầu của NH).

Thanh toán phí dịch vụ NH: phí mở L/C, phí tu chỉnh L/C, phí ký hậu B/L…

Phối hợp với NH kiểm tra tính hợp lệ của bộ chứng từ thanh toán do người bán gửi tới.

Có quyền được từ chối thanh toán khi người bán không thực hiện đúng quy định của L/C.

Nhận hàng (nếu thanh toán).

2. NH phát hành thư tín dụng (The issuing/opening bank):

Đây là NH dịch vụ nhà NK.

* Nhiệm vụ của NH phát hàng bao gồm:

Yêu cầu người làm đơn mở thư tín dụng phải nộp đủ các hồ sơ và ký quỹ khi cần thiết để đảm bảo an toàn thanh toán sau này cho NH.

Phát hành thư tín dụng theo nội dung của giấy đề nghị mở L/C, thông báo thư đến người hưởng lợi thông qua NH đại lý ở nước XK.

Tu chỉnh L/C khi có yêu cầu.

Kiểm tra tính hợp lệ của bộ chứng từ thanh toán do người XK gửi tới.

Yêu cầu nhà NK thanh toán tiền.

Thanh toán tiền cho người hưởng lợi nếu bộ chứng từ hợp lệ đúng qui định của L/C.

* Quyền lợi của NH phát hành:

Hưởng lợi phí dịch vụ NH từ 0,125% đến 0,5% trị giá của L/C.

Từ chối thanh toán nếu bộ chứng từ bất hợp lệ.

Hưởng lợi hàng hóa nếu người mua không thanh toán.

Ngân hàng được miễn trách nhiệm trong trường hợp gặp bất khả kháng như chiến tranh, hỏa hoạn, động đất…

3. Người hưởng lợi thư tín dụng (The beneficiary):

Là người bán, người XK hoặc người khác do người XK chỉ định.

* Nếu người XK chính là người hưởng lợi (thường là như vậy) thì nhiệm vụ của người này là:

Tiếp nhận L/C bản gốc và đánh giá khả năng thực hiện được các nội dung này của mình.

Đề nghị tu chỉnh nội dung của L/C khi cần thiết.

Giao hàng theo đúng quy định của L/C.

Lập bộ chứng từ thanh toán xuất trình cho NH theo đúng quy định của L/C.

Trả các phí dịch vụ NH như phí thông báo L/C, phí tu chỉnh L/C, chiết khấu bộ chứng từ, phí kiểm tra bộ chứng từ có bất hợp lệ…

* Quyền lợi của người XK:

Từ chối giao hàng nếu nội dung L/C khác với nội dung hợp đồng ngoại thương đã thỏa thuận gây thiệt hại cho người bán và người bán đã đề nghị tu chỉnh L/C nhưng không được đáp ứng.

Quyền được nhận tiền hoặc chỉ định người thay thế mình hưởng lợi L/C.

4. Ngân hàng thông báo thư tín dụng (The advising bank):

Đây là NH phục vụ người XK, thường là NH đại lý của NH mở thư tín dụng có trụ sở ở nước người XK.

* Nhiệm vụ của NH này:

Tiếp nhận L/C bản gốc và chuyển nó tới người XK dưới dạng nguyên văn một cách kịp thời.

Đánh giá ban đầu tính hợp lệ của bộ chứng từ.

Chuyển bộ chứng từ thanh toán đến NH phát hành.

Thanh toán tiền cho người XK nếu được ủy quyền thanh toán.

* Quyền lợi của NH thông báo:

Được hưởng phí dịch vụ NH.

5. Ngân hàng xác nhận thư tín dụng (The confirming bank):

Là NH xác nhận trách nhiệm của mình sẽ cùng NH mở thư tín dụng bảo đảm việc trả tiền cho người XK trong trường hợp NH mở thư tín dụng không đủ khả năng thanh toán. NH xác nhận có thể vừa là NH thông báo thư tín dụng hay là một NH khác do người XK yêu cầu, thường là một NH lớn, có uy tín trên thị trường tín dụng và tài chính quốc tế.

6. Ngân hàng thanh toán thư tín dụng (The paying bank):

Có thể là NH mở thư tín dụng hoặc có thể là một NH khác được NH mở thư tín dụng chỉ định thay mình thanh toán tiền cho nhà XK hay chiết khấu hối phiếu. Trường hợp NH làm nhiệm vụ chiết khấu hối phiếu thì gọi là NH chiết khấu (the negotiating bank). Nếu địa điểm trả tiền quy định tại nước người XK thì NH trả tiền thường là NH thông báo. Trách nhiệm của NH thanh toán giống như NH mở thư tín dụng khi nhận bộ chứng từ của người XK gửi đến.

1.2.3. Những quy định quốc tế áp dụng trong phương thức TDCT:

Khi thanh toán bằng phương thức TDCT, các bên XNK phải thỏa thuận với nhau về việc sử dụng UCP (The Uniform Customs and Practice for Documentary credit). UCP là bản quy tắc và cách thực hành thống nhất về tín dụng chứng từ do Phòng thương mại quốc tế (ICC) tại Pari công bố lần đầu tiên vào năm 1933. Từ đó đến nay UCP đã qua 6 lần sửa đổi, bổ sung vào các năm 1951, 1962, 1974, 1983, 1993, 2007 và có hiệu lực áp dụng từ 01/07/2007.

UCP đã được hơn 175 nước áp dụng trong đó có Việt Nam. Khác với luật quốc gia hay công ước quốc tế, UCP không tự động áp dụng để điều chỉnh hoạt động thanh toán TDCT mà mang tính chất pháp lý tùy ý. Các bên tham gia có

quyền lựa chọn có hay không dùng UCP để điều chỉnh hoạt động thanh toán TDCT. Nhưng một khi các bên đã đồng ý áp dụng UCP thì các điều khoản áp dụng của UCP sẽ ràng buộc nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên tham gia.

Một điểm cần lưu ý là UCP ban hành sau không phủ nhận các nội dung của UCP trước đó. Do đó, các bên có thể thoả thuận lựa chọn một UCP nào đó, nhưng điều quy định bắt buộc là phải dẫn chiếu nó trong L/C. Chỉ UCP bản gốc bằng tiếng Anh mới có giá trị pháp lý giải quyết các tranh chấp, các bản dịch khác chỉ có giá trị tham khảo.

Để tạo điều kiện thuận lợi và thúc đẩy giao lưu thương mại quốc tế phát triển hơn nữa, Phòng Thương mại Quốc tế đã sửa đổi và ban hành Quy tắc và Thực hành thống nhất về TDCT của ICC văn bản số 600 (UCP-600/2007/ICC), có hiệu lực từ 01/07/2007. Tiếp theo việc ban hành UCP 600, ICC đã ban hành một số văn bản hướng dẫn kèm theo như: Tập quán Ngân hàng tiêu chuẩn Quốc tế để kiểm tra chứng từ theo thư tín dụng tuân thủ theo UCP 600 văn bản số 681(ISBP 681 2007 ICC), Bản phụ trương UCP 600 về việc xuất trình chứng từ điện tử - Bản diễn giải số 1.1 (eUCP 1.1) và đặc biệt là Quy tắc thống nhất về hoàn trả tiền giữa các NH theo Thư tín dụng văn bản số 725 có hiệu lực từ 01/10/2008 (URR – 725/2008/ICC).

Theo điều 1 của UCP 600 ghi rõ:

"Các quy tắc Thực hành Thống nhất về Tín dụng chứng từ, bản sửa đổi 2007, ICC xuất bản số 600 ("UCP") là các Quy tắc áp dụng cho bất kỳ Tín dụng chứng từ ("tín dụng") nào (bao gồm cả thư tín dụng dự phòng trong chừng mực mà các Quy tắc này có thể áp dụng) nếu nội dung của tín dụng chỉ ra một cách rõ ràng nó phụ thuộc vào các Quy tắc này. Các Quy tắc này ràng buộc tất cả các bên, trừ khi tín dụng loại trừ hoặc sửa đổi một cách rõ ràng.

Hiện nay, UCP bản sửa đổi năm 2007 số 600 được xem là hoàn chỉnh nhất và được nhiều tổ chức NH, các doanh nghiệp kinh doanh XNK, các doanh nghiệp, đơn vị có liên quan đến TTQT, cũng như các cán bộ nghiên cứu và hoạch định

chính sách thương mại quốc tế sử dụng và đối chiếu hàng ngày trong công việc của mình.

1.2.4. Quy trình, nghiệp vụ thanh toán TDCT:

Những nghiệp vụ cơ bản trong thanh toán TDCT được thể hiện qua sơ đồ sau đây:

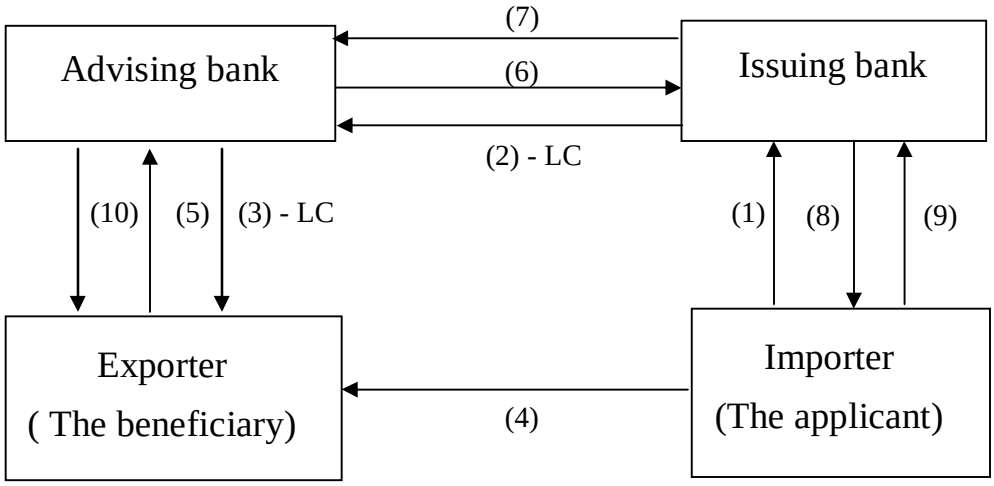

*** Giải thích sơ đồ:**

(1) Nhà NK làm giấy đề nghị mở L/C và nộp vào NH các giấy tờ cần thiết, thực hiện ký quỹ theo yêu cầu để NH phát hành L/C cho người XK hưởng lợi.

(2) Ngân hàng phát hành L/C theo đúng yêu cầu của giấy đề nghị mở L/C và chuyển tới NH đại lý của mình ở nước XK.

(3) Ngân hàng thông báo chuyển L/C bản gốc tới cho nhà XK để người này đánh giá khả năng thực hiện L/C của mình và đề nghị tu chỉnh khi cần.

(4) Nhà XK giao hàng theo đúng quy định của L/C và các văn bản tu chỉnh L/C (nếu có).

(5) Người XK lập bộ chứng từ theo đúng quy định của L/C và các văn bản tu chỉnh (nếu có) xuất trình cho NH đúng thời hạn quy định.

(6) Ngân hàng đại lý sau khi kiểm tra tính hợp lệ của bộ chứng từ thì chuyển tới NH phát hành (hoặc NH thanh toán).

(7) Ngân hàng phát hành thư tín dụng kiểm tra bộ chứng từ thanh toán:

Nếu thấy phù hợp với quy định của L/C thì tiến hành trả tiền hoặc chấp nhận hối phiếu (đối với L/C trả chậm).

Nếu thấy không phù hợp với quy định của L/C thì từ chối thanh toán và gởi trả bộ chứng từ cho người XK.

(8) Ngân hàng phát hành thư tín dụng trong bộ chứng từ cho nhà NK và phát lệnh đòi tiền nhà NK.

(9) Nhà NK kiểm tra bộ chứng từ:

Nếu thấy phù hợp với quy định của L/C thì đến ngân hàng làm thủ tục thanh toán, NH phát hành ký hậu bộ chứng từ cho đi nhận hàng.

Nếu thấy không phù hợp với quy định của L/C thì nhà NK có quyền từ chối thanh toán.

(10) Nhà XK nhận được tiền thanh toán.

1.2.5. Nội dung của thư tín dụng (Letter of credit – L/C):

1. Khái niệm:

Thư tín dụng là một bức thư do NH viết ra theo yêu cầu của người NK (người xin mở thư tín dụng), cam kết trả tiền cho người XK (người hưởng lợi) một số tiền nhất định trong một thời gian nhất định, với điều kiện người này thực hiện đúng và đầy đủ những điều khoản trong lá thư đó.

Thư tín dụng là một văn bản thể hiện sự cam kết NH mở thư tín dụng đối với nhà XK để thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo những điều khoản thanh toán của hợp đồng mua bán ngoại thương. Do đó, nó được soạn thảo trên cơ sở hợp đồng mua bán ngoại thương đã được ký kết giữa hai đơn vị. Nhưng vì thư tín dụng do NH mở L/C cam kết nên thư tín dụng hoàn toàn độc lập với hợp đồng mua bán. Tính chất độc lập của nó thể hiện ở chỗ ngân hàng mở thư tín dụng không cần biết đến hợp đồng mua bán mà chỉ căn cứ vào nội dung giấy đề nghị mở L/C của nhà NK để viết thư tín dụng (mở L/C cho nhà XK).

Điều 4 của UCP 600 ghi rõ:

“Về bản chất, tín dụng là một giao dịch riêng biệt với hợp đồng mua bán hoặc các hợp đồng khác mà có thể là cơ sở của tín dụng. Các ngân hàng không liên quan đến hoặc ràng buộc bởi các hợp đồng như thế, ngay cả khi tín dụng có dẫn chiếu đến các hợp đồng đó. Do đó, sự cam kết của một ngân hàng về việc thanh toán, thương lượng thanh toán hoặc thực hiện bất cứ nghĩa vụ nào khác trong tín dụng không phụ thuộc vào các khiếu nại hoặc khiến cáo của người yêu cầu phát hành tín dụng phát sinh từ các quan hệ của họ với ngân hàng phát hành hoặc người thụ hưởng.

Trong bất cứ trường hợp nào, người thụ hưởng không được lợi dụng các quan hệ hợp đồng giữa các ngân hàng với nhau hoặc giữa người yêu cầu và ngân hàng phát hành.

Ngân hàng phát hành không khuyến khích các cố gắng của người yêu cầu nhằm đưa các bản sao của hợp đồng cơ sở, hóa đơn chiếu lệ và các chứng từ tương tự thành bộ phận không tách rời của tín dụng ”.

2. Nội dung:

Theo khái niệm trên thì thư tín dụng là một phương tiện thanh toán rất quan trọng trong phương thức thanh TDCT. Nó liên quan chặt chẽ tới quyền lợi của các bên. Trong trường hợp thư tín dụng không mở được thì phương thức thanh toán này không được xác lập và tất yếu sẽ không có việc giao hàng cũng như việc thanh toán giữa người mua và người bán.

Còn khi thư tín dụng đã được mở thì nội dung của nó là một bộ phận vô cùng quan trọng và trở thành cốt lõi để các bên thực hiện nghĩa vụ, đảm bảo quyền lợi cho đối tác cũng như bản thân mình. Vì vậy, nội dung của thư tín dụng phải đầy đủ, rõ ràng và chính xác. Mỗi thư tín dụng mang một nội dung riêng biệt tùy theo nội dung của từng thương vụ, nhưng nhìn chung chúng có những nội dung cơ bản giống nhau và thường không thể thiếu được trong một L/C, bao gồm:

- Ngân hàng phát hành L/C (ghi sau các chữ FM… or received from).

- Số hiệu, địa điểm, ngày mở L/C (No of L/C; place and date of issue L/C).
- Loại thư tín dụng (form of documentary credit).
- Người hưởng lợi L/C (Beneficiary or in favour of…).
- Số tiền của thư tín dụng (Amount).
- Thời hạn hiệu lực, thời hạn trả tiền và thời hạn giao hàng ghi trong L/C.
- Những nội dung về hàng hóa (Description of goods).
- Những nội dung về vận tải, giao nhận hàng hóa.
- Những chứng từ mà người XK phải xuất trình.
- Sự cam kết trả tiền của NH mở thư tín dụng.
- Những điều khoản đặc biệt khác.
- Chữ ký của NH mở thư tín dụng.

Các bên liên quan khi sử dụng phương thức thanh toán TDCT cần chú ý tới tất cả các nội dung nêu trên, đặc biệt là điều khoản yêu cầu về bộ chứng từ mà người bán phải xuất trình cho NH mở bởi đây chính là điều kiện để cam kết thanh toán được thực hiện. Đối với người mua, thông thường họ muốn bộ chứng từ phải thật đầy đủ. Ngược lại, người bán lại muốn bộ chứng từ càng đơn giản càng tốt, tránh mất nhiều thời gian và chi phí. Bởi ngoài giấy tờ mà họ có thể chủ động lập ra còn có rất nhiều chứng từ khác đòi hỏi được lập bởi một bên thứ ba. Khi đó bộ chứng từ được lập ra sẽ mất nhiều thời gian, ảnh hưởng tới tốc độ thu tiền hàng của người bán, thậm chí còn dẫn đến vi phạm thời gian xuất trình chứng từ, tạo ra nhiều cơ hội để NH kiểm tra chứng từ có thể tìm ra sự sai biệt, tăng nguy cơ không đòi được tiền từ phía người mua. Khi lập bộ chứng từ phải hết sức chú ý đến sự phù hợp của các chứng từ và không trái với quy định của các văn bản pháp luật điều chỉnh chúng. Đây là điều kiện tiên quyết để người bán đòi được tiền hàng. Ngoài nội dung trên ra, một số điều khoản khác cũng cần phải hết sức chú ý

như: loại thư tín dụng, số tiền, ngày và nơi thư tín dụng hết hạn hiệu lực, thời hạn xuất trình chứng từ... Cụ thể là đối với người mua, bao giờ họ cũng muốn mở thư tín dụng có thể hủy ngang không xác nhận, hết hạn hiệu lực ở NH mở (ngân hàng phục vụ mình) để có thể chủ động trong mua bán hoặc đưa thêm một điều khoản có lợi cho mình. Trong khi đó, người bán lại mở thư tín dụng không hủy ngang có xác nhận đảm bảo cho việc thu được tiền hàng.

Thường người bán muốn thư tín dụng được mở sớm và hết hạn tại nước họ để chủ động cho việc lập chứng từ, muốn thời hạn xuất trình chứng từ kéo dài và L/C cho phép đòi tiền bằng điện.

Chính vì những mâu thuẫn trên mà L/C rất đa dạng, mỗi hoạt động XNK lại có thể sử dụng mọi loại hình L/C riêng phù hợp và do các bên thoả thuận với nhau.

1.2.6. Phân loại L/C:

(1) Thư tín dụng không hủy ngang (Irrevocable letter of credit):

Đây là loại L/C mà sau khi đã được mở ra thì NH không được đơn phương sửa đổi hay hủy bỏ trong thời hạn hiệu lực nếu không có sự đồng ý của cả người XK và người NK.

Như vậy, nếu không có sự nhất trí của người XK, của NH xác nhận (nếu có) thì NH mở không được phép thực hiện theo yêu cầu của bên NK thay đổi L/C. Do đó, quyền lợi của người bán được đảm bảo hơn.

Tín dụng không thể hủy ngang tuy ít linh hoạt nhưng khá an toàn và có thể cân bằng được quyền lợi của các bên tham gia nên nó được sử dụng rộng rãi trong thương mại quốc tế ngày nay. Tuy nhiên, rủi ro cũng vẫn có thể xảy ra khi NH mở L/C mất khả năng thanh toán, người XK sẽ không thu được tiền và trong khi người NK đã thanh toán.

(2) Thư tín dụng không hủy ngang có xác nhận (Confirmed L/C):

Đây là loại L/C không thể hủy ngang, được một NH thứ ba đứng ra xác nhận và chịu trách nhiệm thanh toán tiền cho người hưởng lợi khi NH mở không có khả năng thanh toán.

Nguyên nhân phát sinh loại L/C này là vì người hưởng lợi không tin tưởng vào khả năng thanh toán của NH mở L/C. Tuy đây là loại L/C tạo cho người bán một sự đảm bảo hai lần trong việc sẽ được thanh toán tiền hàng - vậy là rất an toàn - nhưng nó lại thường không nhận được sự hưởng ứng nhiều của NH mở L/C do nó gián tiếp làm giảm uy tín của họ. Đôi khi, việc thoả thuận lựa chọn NH xác nhận cũng gây chậm trễ, khó khăn với các bên liên quan: bên bán chậm thu được tiền để nhanh chóng tiếp tục đầu tư tái sản xuất; bên mua chậm nhận được hàng vì bên bán không giao hàng khi L/C chưa được xác nhận, dẫn đến mất cơ hội kinh doanh; NH mở L/C cũng có thể bị mất uy tín trên thị trường khi các khách hàng khác nắm được thông tin này và cũng không còn tin tưởng vào khả năng thanh toán của họ nữa... Hơn nữa, NH được chỉ thị xác nhận L/C không phải lúc nào cũng sẵn sàng xác nhận nếu họ cảm thấy có điều khoản bất lợi trong cam kết của mình. Ngoài ra, một điểm rất bất lợi nữa của loại L/C này là chi phí do cộng thêm cam kết rất cao. Như vậy, rủi ro là không thể tránh khỏi.

(3) Thư tín dụng trả ngay (L/C at sight):

Là thư tín dụng trong đó NH mở L/C phải thanh toán ngay số tiền trong L/C khi khách hàng xuất trình bộ chứng từ phù hợp.

Hình thức L/C này đảm bảo cho khách hàng được thanh toán tiền hàng nhanh chóng nhưng NH thanh toán không chủ động được thời gian cũng như nguồn ngoại tệ.

Nếu khi khách hàng xuất trình bộ chứng từ phù hợp mà nguồn ngoại tệ của NH không đáp ứng được ngay thì rủi ro ngoại hối có thể xảy ra.

(4) Thư tín dụng trả chậm (Deferred L/C):

Là thư tín dụng trong đó NH mở L/C phải thanh toán số tiền ghi trong L/C cho nhà XK sau một thời gian xác định trong tương lai khi nhà XK xuất trình bộ chứng từ phù hợp.

Loại L/C sẽ gây rủi ro tỷ giá nếu thời gian xác định trong L/C kéo dài mà trong thời gian đó có sự biến động tỷ giá ngoại tệ. Nếu tỷ giá tăng mạnh thì sẽ gây thiệt hại cho NH mở. Ngược lại, nếu tỷ giá giảm sẽ gây thiệt hại cho nhà xuất khẩu.

1.1.1.1.1.1.1.1 Các loại L/C đặc biệt:

1.1.1.1.1.1.1.2 (5) Thư tín dụng có điều khoản đỏ:

Đây là loại L/C đặc biệt, nó mang hình thức tài trợ cho nhà xuất khẩu. NH phát hành L/C sẽ chuyển một khoản ứng trước để nhà XK có vốn sản xuất và giao hàng.

Nhà XK phải cam kết bồi hoàn số tiền nhận ứng trước nếu không nộp đủ chứng từ phù hợp theo thời gian quy định.

Loại L/C này được gọi là tín dụng điều khoản đỏ vì NH phát hành khi ghi điều khoản ứng trước đó vào định khoản có dùng mực đỏ để tập trung sự chú ý tới L/C đặc biệt này.

Loại L/C này tuy có lợi cho nhà XK do được tài trợ tín dụng song rủi ro nảy sinh là tiền ứng trước đó có thể bị sử dụng không đúng mục đích. Người bán có thể lập chứng từ không hoàn lại được tiền ứng trước cho NH. Do đó, nó gây bất lợi và rủi ro cho nhà NK và NH phát hành.

(6) Thư tín dụng tuần hoàn:

Là loại L/C mà sau khi đã sử dụng xong hoặc đã hết hạn hiệu lực lại tự động có giá trị như cũ và được tiếp tục sử dụng sau một thời gian nhất định cho đến khi hoàn tất hợp đồng.

Thư tín dụng tuần hoàn có hai loại:

Thư tín dụng tuần hoàn tích lũy: Đây là loại L/C cho phép chuyển số dư sang giai đoạn tiếp theo, cứ như vậy cộng dồn đến L/C cuối cùng. Như vậy,

nó cho phép cộng dồn số tiền của L/C trước để tăng giá trị của L/C sau nếu L/C trước chưa sử dụng hết. Loại L/C này làm cho vốn của nhà NK (phần L/C chưa

sử dụng hết) bị chiếm dụng trong thời gian từ lúc L/C trước hết hạn hiệu lực đến khi L/C tiếp theo được mở.

Thư tín dụng tuần hoàn không tích lũy: Đây là loại L/C không cho phép chuyển số dư của giai đoạn trước sang giai đoạn kế tiếp. Như vậy, nó không cho phép cộng dồn số tiền của L/C trước để tăng giá trị của L/C sau nếu L/C trước chưa sử dụng hết.

(7) Thư tín dụng chuyển nhượng:

Thường là loại L/C không hủy ngang cho phép chuyển từ người hưởng lợi ban đầu sang một hay nhiều bên khác (người hưởng lợi thứ hai) theo yêu cầu của người hưởng lợi thứ nhất.

Một L/C chuyển nhượng chỉ có thể chuyển nhượng một lần những phần tiền chuyển nhượng mà không vượt quá số tiền của L/C.

Thủ tục phí và lệ phí chuyển nhượng sẽ do người hưởng lợi thứ nhất chịu.

Tuy nhiên, trong nghiệp vụ L/C chuyển nhượng thì người hưởng lợi thứ hai chịu nhiều rủi ro hơn cả, họ chỉ nhận được tiền khi người hưởng lợi thứ nhất được người mua thanh toán. Vì vậy, họ phải gánh chịu mọi rủi ro không những về người mua và NH phát hành mà còn về người hưởng lợi thứ nhất và NH chuyển nhượng.

(8) Thư tín dụng giáp lưng:

Là loại L/C được mở ra dựa trên cơ sở tiền của một L/C khác đã được mở trước đó. Loại L/C này thường được sử dụng nhiều trong phương thức giao dịch mua bán qua trung gian, chuyển khẩu. Việc thực hiện quá trình thanh toán theo loại hình thư tín dụng này nói chung khá phức tạp: đặc biệt là những điều kiện về thời hạn, về bộ chứng từ... vì thế rất hay có sự sai sót gây thiệt hại cho các bên.

Nói chung, ngày nay trong thương mại quốc tế, hình thức mua hàng đổi hàng ít nên L/C đối ứng hiếm khi được sử dụng.

1.3. Định nghĩa rủi ro và phân loại rủi ro:

1.3.1. Khái niệm rủi ro:

Có thể nói rủi ro tồn tại ở khắp mọi lĩnh vực trong cuộc sống, hiện diện ở hầu hết trong mọi hoạt động của con người. Khi có rủi ro, người ta không thể dự đoán chính xác kết quả và sự hiện diện của mọi rủi ro gây nên sự bất định. Nguy cơ rủi ro sẽ

phát sinh bất cứ khi nào một hành động dẫn đến khả năng được hay mất không thể đoán trước. Vậy rủi ro là gì?

Quan điểm về rủi ro có hai trường phái lớn: đó là trường phái truyền thống (hay còn gọi là trường phái tiêu cực) và trường phái trung hòa. Theo trường phái truyền thống, rủi ro là những thiệt hại, mất mát, nguy hiểm hoặc các yếu tố liên quan đến nguy hiểm, khó khăn hoặc điều không chắc chắn có thể xảy ra cho con người. Đại diện của trường phái này, từ điển Oxford cho rằng rủi ro là khả năng gặp nguy hiểm hoặc bị đau đớn thiệt hại… Trong khi đó, theo cách nhìn của trường phái trung hòa, rủi ro là sự bất trắc có thể đo lường được. Theo Allan Willett, một đại biểu của trường phái trung hòa, thì rủi ro là sự bất trắc có liên quan đến việc xuất hiện những biến cố không mong đợi.

Bàn về rủi ro trong kinh doanh XNK, trong tác phẩm "Quản trị rủi ro và khủng hoảng", tác giả Đoàn Thị Hồng Vân cho rằng rủi ro trong kinh doanh xuất nhập khẩu là sự bất trắc có thể đo lường được, nó có thể tạo ra những tổn thất, mất mát, thiệt hại hoặc làm mất đi những cơ hội sinh lời, nhưng cũng có thể đưa đến những lợi ích, những cơ hội thuận lợi trong kinh doanh XNK.

Mỗi quan điểm hay khái niệm trên sử dụng những ngôn từ khác nhau nhưng đều có điểm chung là đề cập đến một hay một chuỗi sự kiện mà nó xảy ra sẽ tạo ra các tổn thất hoặc đem lại những cơ hội. Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, nhóm chỉ xét rủi ro ở đây như là các biến cố có thể gây ảnh hưởng xấu đến quá trình hoạt động kinh doanh của NHTM và các doanh nghiệp, làm giảm hiệu quả

hoạt động của NH và doanh nghiệp. Từ đó, đưa ra các giải pháp hạn chế rủi ro nhằm ngăn chặn các tổn thất. Nhận dạng rủi ro là một khâu quan trọng giúp đưa ra các giải pháp hạn chế hiệu quả và phù hợp.

1.3.2. Rủi ro trong thanh toán quốc tế:

Sự cách biệt về địa lý, ngôn ngữ, hệ thống luật pháp, tập quán kinh doanh... làm cho hoạt động TTQT của các NHTM và các doanh nghiệp kinh doanh XNK chứa đựng nhiều rủi ro đặc thù:

1.3.2.1. Rủi ro quốc gia:

Là khả năng mà một quốc gia hoặc người đi vay của một quốc gia nhất định không muốn hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ cam kết của mình với đối tác nước ngoài. Rủi ro quốc gia có thể tồn tại dưới các dạng sau:

Rủi ro chính trị: Tính ổn định của một quốc gia đóng vai trò rất quan trọng trong giao thương quốc tế. Bất cứ một sự thay đổi nào về chỉnh thể, chính sách của chính phủ đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh quốc tế. Chẳng hạn, khi một quốc gia có chiến tranh, cuộc chiến sẽ phá vỡ mối quan hệ giữa quốc gia lâm chiến với một số nước khác trên Thế giới. Sự tàn phá của chiến tranh có thể làm cho quốc gia bị nạn giảm hoặc không còn khả năng thực hiện các cam kết đã ký với đối tác quốc tế.

Rủi ro kinh tế: Bối cảnh kinh tế của một quốc gia sẽ tác động đến niềm tin của nhà kinh doanh, đầu tư quốc tế đến quốc gia đó. Nếu một quốc gia suy thoái hoặc bị khủng hoảng kinh tế, khả năng thu hút vốn và giao thương quốc tế của nước đó sẽ giảm sút và ngược lại.

1.3.2.2. Rủi ro về quản lý hối đoái:

Quản lý ngoại hối là hệ thống kiểm soát luồng ngoại hối nhập vào hoặc chuyển ra khỏi một đất nước. Trong quản lý kinh tế, các chính phủ thường ban

hành các chính sách nhằm khơi thông hoặc hạn chế luồng ngoại hối nhằm thực hiện chính sách phát triển kinh tế của quốc gia trong từng thời kỳ. Những biện pháp này có thể tạo ra sự chậm trễ trong thanh toán, làm gia tăng chi phí và thời gian của các thương gia và nhà đầu tư quốc tế.

1.3.2.3. Rủi ro đối tác:

Đây là rủi ro phát sinh từ các nhà XNK, NH đại lý không thực hiện đúng các nghĩa vụ của mình. Điều này có thể được thể hiện dưới dạng người bán không giao hàng đúng hợp đồng, gian lận thương mại...; người mua chậm thanh toán, thanh toán không đủ hoặc thậm chí từ chối thanh toán sau khi người bán đã cung ứng hàng hóa... NH đại lý bất đồng về nghiệp vụ hoặc phá sản dẫn đến từ chối hoặc chậm trễ trong thanh toán.

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG RỦI RO TRONG THANH TOÁN HÀNG XUẤT THEO PHƯƠNG THỨC TÍN DỤNG CHỨNG TỪ

Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến rủi ro trong thanh toán theo phương thức thanh toán tín dụng chứng từ. Trong phạm vi của đề tài chúng tôi đề cập đến những rủi ro thường gặp nhất trên hai góc độ: rủi ro đối với NH và rủi ro đối với doanh nghiệp.

2.1. Rủi ro đối với góc độ NH:

2.1.1. NH phát hành L/C (Issuing Bank) hay NH mở L/C (Opening Bank):

Khi tham gia phương thức thanh toán TDCT, NH phát hành L/C (Issuing Bank) hay NH mở L/C (Opening Bank) thường gặp những rủi ro sau đây:

1. Trong nghiệp vụ mở L/C, nếu NH phát hành kiểm tra không kĩ đơn xin mở L/C sẽ dẫn đến việc chấp nhận cả những điều khoản hàm chứa rủi ro cho NH sau này.

2. Khi nhận được bộ chứng từ xuất trình, nếu NH phát hành trả tiền hay chấp nhận thanh toán hối phiếu kỳ hạn mà không có sự kiểm tra một cách thích đáng bộ chứng từ, để bộ chứng từ có lỗi, nhà NK không chấp nhận, thì NH không thể đòi tiền nhà NK.

3. NH phát hành phải thực hiện thanh toán cho người thụ hưởng theo qui định của L/C ngay cả trong trường hợp nhà NK mất khả năng thanh toán hoặc bị phá sản do kinh doanh thua lỗ.

4. Trong trường hợp hàng đến trước bộ chứng từ thì NH phát hành hay được yêu cầu chấp nhận thanh toán cho người thụ hưởng mà chưa nhìn thấy bộ chứng từ. Nếu không có sự chấp nhận trước của người NK về việc hoàn trả, thì NH phát hành sẽ gặp rủi ro khi bộ chứng từ có sai sót, khi đó nhà NK không chấp nhận và NH sẽ không truy hoàn được tiền từ nhà NK.

5. Nếu trong L/C NH phát hành không qui định bộ vận đơn đầy đủ (full set off bills of lading) thì một người NK có thể lấy được hàng hoá khi chỉ cần xuất trình một phần của bộ vận đơn, trong khi đó người trả tiền hàng hoá lại là NH phát hành theo cam kết của L/C.

6. NH phát hành có thể gặp rủi ro do không hành động đúng theo UCP 600, đó là đưa ra quyết định từ chối bộ chứng từ vượt quá 7 ngày làm việc của NH, theo qui định của UCP 600 là không quá 7 ngày.

7. NH là người gánh chịu rủi ro đạo đức: NH phát hành phải thực hiện thanh toán cho người hưởng lợi theo qui định của L/C ngay cả trong trường hợp người NK chủ tâm không hoàn trả.

NH là người gây ra rủi ro đạo đức: NH mở L/C có thể vi phạm cam kết của mình như từ chối thanh toán hoặc trì hoãn thanh toán hoặc đứng về phía khách hàng gây khó khăn trong quá trình thanh toán.

2.1.2. NH thông báo (Advising Bank):

NH thông báo có trách nhiệm phải đảm bảo rằng thư tín dụng là chân thật, đồng thời phải xác minh chữ ký, mã khoá (test key), mẫu điện của NH phát hành trước khi gửi thông báo cho nhà XK. Rủi ro xảy ra với NH thông báo là khi NH này thông báo một L/C giả hoặc sửa đổi một L/C không có hiệu lực trong khi chính NH chưa xác nhận được tình trạng mã khoá hay chữ ký uỷ quyền của NH mở L/C.

2.1.3. NH xác nhận (Confirming Bank):

1. Nếu bộ chứng từ được xuất trình là hoàn hảo thì NH xác nhận phải trả tiền cho nhà XK bất luận là có truy hoàn được tiền từ NH phát hành hay không. Như vậy, NH xác nhận chịu rủi ro tín dụng đối với NH phát hành.

2. Nếu NH xác nhận trả tiền hay chấp nhận thanh toán hối phiếu kỳ hạn mà không có sự kiểm tra bộ chứng từ một cách thích đáng, để bộ chứng từ có lỗi, NH phát hành không chấp nhận thanh toán thì NH xác nhận không thể đòi tiền NH phát hành.

2.1.4. NH được chỉ định (Nominated Bank):

Các NH được chỉ định không có trách nhiệm thanh toán cho nhà XK trước khi nhận được tiền hàng từ NH phát hành. Tuy nhiên trong thực tế, trên cơ sở bộ chứng từ được xuất trình, các NH được chỉ định thường ứng trước cho nhà XK với điều kiện truy đòi để trợ giúp nhà XK, do đó NH này phải chịu rủi ro tín dụng đối với NH phát hành hoặc nhà XK.

✡ Minh họa về rủi ro khi sử dụng phương thức tin dụng chứng từ đối với NH:

Công ty TNHH Minh Quang mua lô hàng máy nông nghiệp của nhà xuất khẩu ở Malaysia trị giá 48.000 USD. Vào ngày 11/04, ngân hàng Ngoại thương (NHNT) đã

phát hành L/C NK với mức ký quỹ 10% theo yêu cầu của công ty TNHH Minh Quang. Vào ngày 27/12/2004, NHNT nhận được bộ chứng từ do NH MayBank gởi đến, kiểm tra và xác định chứng từ phù hợp với L/C, thông báo cho công ty

Minh Quang về thời hạn phải thanh toán bộ chứng từ là ngày 05/01/2005. Tuy nhiên, công ty đã nhiều lần trì hoãn nộp tiền với lý do "đang thương lượng với nhà XK". Cuối cùng trước áp lực đòi tiền liên tục của MayBank, NHNT phải yêu cầu công ty nhận nợ bắt buộc và thanh toán cho phía nước ngoài vào ngày 07/02/2005.

Thiệt hại:

Đến nay, công ty Minh Quang vẫn chưa có khả năng hoàn trả khoản nợ vay bắt buộc cho lô hàng này. NHNT phải trích quỹ dự phòng rủi ro để giảm nợ theo định kỳ - NH gặp rủi ro.

Nguyên nhân:

Việc xem xét và trình mở L/C bằng vốn tự có được giao cho bộ phận tác nghiệp. Bộ phận tác nghiệp thiếu kỹ năng thẩm định tình hình kinh doanh của khách hàng, trình mở L/C chủ yếu dựa trên kinh nghiệm giao dịch với khách hàng.

Thiếu sót trong việc cập nhật thông tin mua bán của khách hàng: công ty nhập lô hàng này để bán lại cho đối tác khác, vốn mua hàng của đối tác này lại phụ thuộc vào việc xét duyệt cho vay của NH khác.

2.2. Rủi ro đối với góc độ doanh nghiệp:

2.2.1. Rủi ro đối với nhà xuất khẩu:

Khi tham gia phương thức thanh toán TDCT, nhà XK hay gặp những rủi ro sau:

1. Khi nhận được L/C từ NH thông báo, nếu nhà XK kiểm tra các điều kiện chứng từ không kĩ, chấp nhận cả những yêu cầu bất lợi mà nhà XK không thể đáp ứng được trong khâu lập chứng từ sau này. Khi các yêu cầu đó không được thoả mãn, NH phát hành từ chối bộ chứng từ và không thanh toán. Lúc đó, nhà NK sẽ có lợi thế để thương lượng lại về giá cả nằm ngoài các điều khoản của L/C và nhà XK sẽ gặp bất lợi.

2. Trong thanh toán TDCT, NH mở L/C đứng ra cam kết thanh toán cho người XK khi họ xuất trình bộ chứng từ phù hợp với nội dung của L/C, NH chỉ làm việc với các chứng từ quy định trong L/C. Phương thức thanh toán TDCT đòi hỏi sự chính xác tuyệt đối giữa bộ chứng từ thanh toán với nội dung quy định trong L/C. Chỉ cần một sơ

suất nhỏ trong việc lập chứng từ thì nhà XK cũng có thể bị NH mở L/C và người mua bắt lỗi, từ chối thanh toán. Do đó, việc lập bộ chứng từ thanh toán là một khâu quan trọng và rất dễ gặp rủi ro đối với nhà XK.

Một bộ chứng từ thanh toán phù hợp với L/C phải đáp ứng được các yêu cầu sau :

- Các chứng từ phải phù hợp với luật lệ và tập quán thương mại mà hai nước người mua và người bán đang áp dụng và được dẫn chiếu trong L/C.

- Nội dung và hình thức của các chứng từ thanh toán phải được lập theo đúng yêu cầu đề ra trong L/C.

- Những nội dung và các số liệu có liên quan giữa các chứng từ không được mâu thuẫn với nhau, nếu có sự mâu thuẫn giữa các chứng từ mà từ đó người ta không thể xác định một cách rõ ràng, thống nhất nội dung thuộc về tên hàng, số lượng, trọng lượng, giá cả, tổng trị giá, tên của người hưởng lợi… thì các chứng từ đó sẽ bị NH từ chối thanh toán vì bộ chứng từ đó mâu thuẫn với nhau.

- Bộ chứng từ phải được xuất trình tại địa điểm qui định trong L/C và trong thời hạn hiệu lực của L/C.

Trên thực tế có rất nhiều sai sót xảy ra trong quá trình lập chứng từ, thường gặp vẫn là:

+ Lập chứng từ sai lỗi chính tả, sai tên, địa chỉ của các bên tham gia, của hãng vận tải.

+ Chứng từ không hoàn chỉnh về mặt số lượng.

+ Các sai sót trên bề mặt chứng từ: số tiền trên chứng từ vượt quá giá trị của L/C; các chứng từ không ghi số L/C, không đánh dấu bản gốc; các chứng từ không khớp nhau hoặc không khớp với nội dung của L/C về số lượng, trọng lượng, mô tả hàng hoá…; các chứng từ không tuân theo quy định của L/C về cảng bốc dỡ hàng, về hãng vận tải, về phương thức vận chuyển hàng hóa…

Tất cả những sai sót trên đều là những nguyên nhân gây nên rủi ro cho nhà XK khi lập bộ chứng từ thanh toán.

Ngoài ra, do sự khác biệt về tập quán, luật lệ ở mỗi nước cho nên dễ dẫn đến những sai sót khi nhà XK hoàn tất bộ chứng từ hàng hoá để gửi NH xin thanh toán.

3. Nếu nhà XK xuất trình bộ chứng từ không phù hợp với L/C thì mọi khoản thanh toán hay chấp nhận có thể đều bị từ chối và nhà XK phải tự xử lý hàng hoá như dỡ hàng, lưu kho cho đến khi vấn đề được giải quyết hoặc phải tìm

người mua mới, bán đấu giá hay chở hàng quay về nước. Đồng thời, nhà XK phải chịu những chi phí như lưu tàu quá hạn, phí lưu kho… trong khi đó không biết rõ lập trường của nhà NK là sẽ đồng ý hay từ chối nhận hàng vì lý do bộ chứng từ có sai sót.

4. Nếu NH phát hành mất khả năng thanh toán, thì cho dù bộ chứng từ xuất trình là hoàn hảo thì cũng không được thanh toán.

5. Thư tín dụng có thể hủy ngang có thể được NH phát hành sửa đổi, bổ sung hay hủy bỏ bất cứ lúc nào trước khi nhà XK xuất trình bộ chứng từ mà không cần sự đồng ý của nhà XK.

6. Mặc dù trong thanh toán TDCT đã có sự cam kết của NH mở L/C nhưng sự tin tưởng và thiện chí giữa người mua và người bán vẫn được coi là yếu tố quan trọng đảm bảo cho sự an toàn của TTQT. Khi người NK không thiện chí, cố ý không muốn thực hiện hợp đồng thì họ có thể dựa vào sai sót cho dù là rất nhỏ của bộ chứng từ để đòi giảm giá, kéo dài thời gian để chiếm dụng vốn của người bán, thậm chí từ chối thanh toán.

✡ Minh họa về rủi ro khi sử dụng phương thức TDCT đối với nhà XK:

Công ty chế biến và xuất khẩu thủy sản APT xuất khẩu một lô hàng tôm đông lạnh sang thị trường Nhật Bản, trị giá 41.970 USD, thanh toán bằng L/C. Sau khi giao hàng APT hoàn tất bộ chứng từ theo yêu cầu của L/C và xuất trình cho NH để được thanh toán. NHNT đã kiểm tra, xác nhận tình trạng chứng từ hợp lệ, cho chiết khấu và gởi bộ chứng từ của nhà XK đến NH phát hành Sumitomo Mitsui Banking Corp Osaka Japan để đòi tiền. Sau đó, NH phát hành đã điện báo từ chối thanh toán với lý do "Chứng từ Acceptance Certificate không được phát hành và ký bởi Mr. Uzumasa" trong khi chứng từ này rõ ràng đã được phát hành và ký bởi Mr. Uzumasa trên bề mặt của nó. Sau khi kiểm tra lại, NHNT đã lập tức điện phản bác và yêu cầu họ thanh toán ngay vì chứng từ hoàn toàn phù hợp với L/C. Tuy nhiên, theo yêu cầu của người yêu cầu mở L/C, NH phát hành vẫn cho là bất hợp lệ với lý do "Chữ ký của Mr. Uzumasa trên chứng từ Acceptance Certificate không khớp với chữ ký lưu tại NH phát hành và chứng từ được xuất trình là giả mạo" dù rằng L/C không quy định một điều khoản nào

về việc chữ ký phải khớp đúng. Rất ngạc nhiên về luận điểm này, NHNT đã vận dụng UCP 500 – điều khoản 15 và ISBP – điều khoản số 25 với lập luận "các NH chỉ xử lý trên bề mặt chứng từ và hoàn toàn không có trách nhiệm về việc chứng từ giả mạo" để phản bác và yêu cầu thanh toán. Tuy nhiên, NH phát hành được biết là NH đại lý của NHNT đã phớt lờ phản bác của NHNT và tiến hành gởi trả lại chứng từ cho NHNT, khép lại hồ sơ giao dịch.

Thiệt hại:

Công ty APT phải nhận lại hàng hóa và chi trả các chi phí về vận chuyển, NH.

NHNT không thu được tiền hàng, phải buộc khách hàng hoàn trả tiền chiết khấu từ nguồn khác dẫn đến uy tín bị giảm sút.

Nguyên nhân:

Người yêu cầu mở L/C từ chối nhận hàng vì hàng thủy sản có dư lượng kháng sinh vượt tiêu chuẩn cho phép của Chính phủ Nhật Bản.

NH phát hành hành xử không tuân thủ UCP và ISBP.

2.2.2. Rủi ro đối với nhà nhập khẩu:

1. Trong thanh toán TDCT, việc thanh toán của NH cho người thụ hưởng chỉ căn cứ vào bộ chứng từ xuất trình mà không căn cứ vào việc kiểm tra hàng hoá. NH chỉ kiểm tra tính chân thật bề ngoài của chứng từ, mà không chịu trách nhiệm về tính chất bên trong của chứng từ, cũng như chất lượng và số lượng hàng hoá. Như vậy, sẽ không có sự đảm bảo nào cho nhà NK rằng hàng hoá sẽ đúng như đơn đặt hàng hay không. Nhà NK có thể nhận được hàng kém chất lượng hoặc bị hư hại trong quá trình vận chuyển mà vẫn phải hoàn trả đầy đủ tiền thanh toán cho NH phát hành.

2. Khi nhà NK chấp nhận bộ chứng từ hàng hoá sẽ có nguy cơ gặp rủi ro. Bộ chứng từ là cơ sở pháp lý đầu tiên về tính đúng đắn của hàng hoá. Nếu nhà NK không chú ý kiểm tra kỹ bộ chứng từ (từ lỗi, câu chữ, số lượng các loại chứng từ, cơ quan có thẩm quyền cấp các loại giấy chứng nhận…) mà chấp nhận bộ chứng từ có lỗi sẽ bị thiệt hại và gặp khó khăn trong việc khiếu nại sau này.

3. Một rủi ro mà nhà NK hay gặp là hàng đến trước bộ chứng từ, nhà NK chưa nhận được bộ chứng từ mà hàng đã cập cảng. Bộ chứng từ bao gồm vận đơn, mà vận đơn lại là chứng từ sở hữu hàng hoá nên thiếu vận đơn thì hàng hoá không được giải toả. Nếu nhà NK cần gấp ngay hàng hoá thì phải thu xếp để ngân hàng phát hành phát

hành một thư bảo lãnh gửi hãng tàu để nhận hàng. Để được bảo lãnh nhận hàng, nhà NK phải trả thêm một khoản phí cho NH. Hơn nữa, nếu nhà NK không nhận hàng theo qui định thì tiền bồi thường giữ tàu quá hạn sẽ phát sinh.

4. Với người mua, sự trung thực của người bán là rất quan trọng bởi vì NH chỉ làm việc với các chứng từ mà không cần biết việc giao hàng có đúng hợp đồng hay không. Do đó, nhà NK có thể gặp rủi ro nếu nhà XK có hành vi gian dối, lừa đảo trong việc giao hàng như: cố tình giao hàng kém phẩm chất, không đúng số lượng…

Một nhà XK chủ tâm gian lận có thể xuất trình bộ chứng từ giả mạo, có bề ngoài phù hợp với L/C cho NH mà thực tế không có hàng giao, người NK vẫn phải thanh toán cho NH ngay cả trong trường hợp không nhận được hàng hoặc nhận được hàng không đúng theo hợp đồng.

✡ Minh họa về rủi ro khi sử dụng phương thức TDCT đối với nhà NK:

Công ty TNHH Phước Sinh NK lô hàng "xe gắn máy nhãn hiệu Honda SH 150cc" từ Italy, thanh toán: 38.000 EUR chuyển tiền bằng điện trả trước và 76.000 EUR theo phương thức L/C A/S With TTR.

Căn cứ vào đề nghị vay vốn 76.000 EUR của công ty để thanh toán lô hàng NK nói trên, ngân hàng ngoại thương (NHNT) đã phát hành L/C xác nhận cho người hưởng lợi "Mega Bike SRL" qua NH thông báo và xác nhận "Banca Monte Dei Paschi Di Siena Roma Italia" với điều khoản "NH xác định được phép đòi tiền bằng điện tử NH hoàn trả "Deutsche Bank Franfurt Germany" với điều kiện bộ chứng từ phải phù hợp với L/C". Ngày 12/06/2006, NH xác nhận L/C đã điện thông báo cho NHNT về việc "Chiết khấu bộ chứng từ phù hợp với L/C, điện đòi tiền NH hoàn trả với ngày giá trị 16/06/2006" theo như chỉ định trong L/C. Tuy nhiên, ngày 14/06/2006, NHNT đã nhận được bộ chứng từ, kiểm tra và tìm thấy

quá nhiều điểm khác biệt nghiêm trọng, đồng thời thông báo ngay cho người yêu cầu mở L/C về tình trạng bộ chứng từ và được xác nhận "Từ chối chứng từ, không thanh toán do hàng hóa chưa về". Nhằm ngăn chặn tổn thất, ngay lập tức NHNT, một mặt đã điện báo cho NH hoàn trả về việc không thanh toán, mặt khác, gởi thông báo từ chối chứng từ bất hợp lệ cho NH xác nhận. Khi đó, phản ứng của NH này là yêu cầu NHNT phải thanh toán ngay hoặc gởi trả lại ngay bộ chứng từ cho họ (Ghi chú: họ sẵn lòng thanh toán các khoản bưu phí và điện phí liên quan). Tuy nhiên, vấn đề đáng nói là người yêu cầu mở L/C không muốn

gởi trả lại bộ chứng từ vì họ e ngại rằng nếu gửi trả lại bộ chứng từ, một mặt họ sẽ không lấy được hàng khi hàng đến, mặt khác, mất luôn cả khoản tiền đặt cọc 38.000 EUR mà họ đã chuyển thanh toán trước đó. Do đó, không còn cách nào khác, vào ngày
26/06/2006, người yêu cầu mở L/C buộc phải chấp nhận bộ chứng từ và chỉ thị thanh toán.

Thiệt hại:

Người NK phải thanh toán toàn bộ số tiền theo thỏa thuận trong hợp đồng nhưng không được nhận hàng như mong muốn.

NH tuy không bị thiệt hại về vật chất vì đã hành động kịp thời, ngược lại, nếu cán bộ nghiệp vụ không kịp thời thông báo cho NH hoàn trả ngưng thanh toán, NHNT đã bị mất vốn.

CHƯƠNG 3
GIẢI PHÁP HẠN CHẾ RỦI RO TRONG THANH TOÁN HÀNG XUẤT THEO PHƯƠNG THỨC TÍN DỤNG CHỨNG TỪ

3.1. Những giải pháp tầm vĩ mô:

3.1.1. Hoàn thiện môi trường pháp lý cho hoạt động TTQT, trước hết là phương thức thanh toán TDCT:

Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế như hiện nay, để tối đa hoá lợi ích và giảm thiểu rủi ro, các quốc gia đều phải điều chỉnh chính sách và củng cố hệ thống tài chính - NH một cách tích cực. Đặc biệt là những nước có nền kinh tế đang phát triển và ở giai đoạn đầu của quá trình hội nhập như Việt Nam, thì việc hoàn thiện hệ thống pháp lý về hoạt động tài chính - NH là hết sức cần thiết.

TTQT mặc dù chỉ là một nghiệp vụ NH nhưng lại liên quan trực tiếp tới quyền lợi, trách nhiệm, uy tín của nhiều ngành, nhiều lĩnh vực và nhiều quốc gia.

Các qui tắc thực hành thống nhất về TTQT như URC (nhờ thu), UCP (thanh toán L/C)… do phòng thương mại quốc tế ban hành không phải là văn bản luật, mà chỉ là tập hợp các tập quán, quy ước và thực tiễn NH trong hoạt động TTQT, mang tính chất pháp lý tuỳ ý. Vì vậy, nếu có mâu thuẫn giữa các qui tắc quốc tế và luật pháp quốc gia thì lựa chọn áp dụng là tuỳ theo pháp luật của từng nước.

Cho đến nay, ở Việt Nam vẫn chưa có luật hay pháp lệnh riêng về hoạt động TTQT. Thực tiễn các doanh nghiệp và các NHTM khi tham gia thanh toán tín dụng chứng từ hay gặp nhiều rủi ro, tranh chấp và xung đột pháp luật, mặc dù họ đã tìm mọi cách bảo vệ mình. Vì vậy, việc soạn thảo, bổ sung, hoàn chỉnh các văn bản pháp luật cho hoạt động TTQT là rất cần thiết cho các NHTM Việt Nam, đồng thời còn là cơ sở để toà án, trọng tài áp dụng khi xét xử các vụ tranh chấp giữa các đối tác trong quan hệ TTQT.

Bên cạnh đó, cần có những văn bản dưới luật (pháp lệnh, nghị định) qui định rõ ràng, cụ thể trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của các bên tham gia cũng như các giải pháp xử lý trong trường hợp có tranh chấp, xung đột pháp luật giữa qui tắc quốc tế và luật pháp quốc gia trong TTQT nói chung và phương thức tín dụng chứng từ nói riêng

(vì L/C đang và chắc chắn vẫn là phương thức chủ yếu trong TTQT). Việc này đòi hỏi sự tham gia của nhiều bộ ngành liên quan như Bộ thương mại, Tổng cục hải quan… nhằm tạo sự nhất quán trong việc ban hành và áp dụng các điều luật đó sau này.

3.1.2. Tổ chức thực hiện tốt thị trường ngoại tệ liên NH, tạo điều kiện cho thị trường hối đoái Việt Nam ngày càng phát triển:

Thị trường ngoại tệ liên NH là thị trường trao đổi, cung cấp ngoại tệ nhằm giải quyết các mối quan hệ về ngoại tệ giữa các NH với nhau. Việc hoàn thiện và phát triển thị trường ngoại tệ liên NH là một trong những điều kiện quan trọng để các NHTM mở rộng nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ và tạo thuận lợi cho nghiệp vụ TTQT được thực hiện tốt hơn. Thông qua thị trường này, NH Nhà nước có thể

điều chỉnh tỷ giá cuối cùng một cách linh hoạt và chính xác nhất. Nhằm hoàn thiện thị trường hối đoái ở Việt Nam, chúng ta cần thực hiện ngay các hình thức giao dịch như: đa dạng hoá các loại ngoại tệ, các phương tiện TTQT được mua bán trên thị trường; đa dạng hoá các hình thức giao dịch như: mua bán trao ngay (spot), mua bán kỳ hạn (forward), quyền chọn (option)... mở rộng đối tượng tham gia thị trường ngoại tệ liên NH như NH Trung ương, các NHTM, các nhà môi giới... nhằm tạo cho thị trường hoạt động sát với tỷ giá thực tế. Ngoài ra, giải pháp này cũng chính là giải pháp giảm thiểu rủi ro về tỷ giá cho hoạt động TTQT, góp phần nâng cao chất lượng thúc đẩy TTQT.

3.1.3. Các NHTM khi tham gia vào thanh toán TDCT phải ban hành, bổ sung, hoàn chỉnh quy trình cụ thể, chặt chẽ, rõ ràng:

TTQT trong đó có thanh toán theo phương thức TDCT là hoạt động giữa các NHTM các nước, với việc tự nguyện chấp hành theo các quy ước, quy tắc quốc tế và pháp luật của mỗi nước. Do vậy, NH nhà nước không thể ban hành quy định về TTQT như: quy định về cho vay của tổ chức đối với khách hàng, quy định về hạch toán kế toán… Chính vì vậy, các NHTM phải ban hành quy định quy trình TTQT trong hệ thống của mình một cách chặt chẽ, nhất quán, tuân theo quy tắc, thông lệ quốc tế, không trái pháp luật Việt Nam, phù hợp với mô hình tổ chức, bộ máy của NH đó. Các quy định càng cụ thể, rõ ràng bao nhiêu, càng giúp cho các cán bộ thanh toán tránh sai sót bấy nhiêu.

Các NHTM Việt Nam cần thường xuyên trao đổi kinh nghiệm, phối hợp giúp nhau trong TTQT, đặc biệt là trong thanh toán theo phương thức TDCT. Các NH cần

xác định rằng tuy là một dịch vụ thu lợi lớn song có liên quan đến nước ngoài với rủi ro cũng lớn và không thể nào một NHTM có thể đảm nhận hết TTQT, cũng như một NHTM sai sót thì cả hệ thống NHTM sẽ bị ảnh hưởng uy tín. Do vậy, các NHTM cần coi đây là một hoạt động chung, cùng dựa vào nhau để phát triển.

3.2. Những giải pháp tầm vi mô:

3.2.1. Dưới góc độ NH:

3.2.1.1. Hiện đại hóa công nghệ NH:

Khoa học kỹ thuật công nghệ NH hiện nay đã được coi là một nhân tố không thể thiếu trong đầu vào của các doanh nghiệp, nói rộng ra là các ngành sản xuất, dịch vụ. Công nghệ đã dần dần thay thế sức lao động của con người, nâng cao hiệu quả năng suất làm việc, an toàn, chính xác, nhanh chóng và tiết kiệm.

Cũng giống như các tổ chức lợi nhuận khác, ngành NH cũng đã nhận thức được tầm quan trọng và tính thiết yếu của kỹ thuật công nghệ và cũng đã đầu tư đáng kể vào lĩnh vực này. Tuy nhiên, cùng với sự khó khăn của đất nước đang trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, ngành khoa học kỹ thuật công nghệ ở nước ta đặc biệt là công nghệ NH còn có một khoảng cách khá xa so với mặt bằng thế giới. Để có thể thích ứng được với xu hướng phát triển của các NH trên thế giới là gắn chặt các sản phẩm của NH với công nghệ tin học hiện đại thì các NH ở Việt Nam cần phải có kế hoạch hiện đại hoá công nghệ NH theo hướng hòa nhập với cộng đồng NH của các nước khác vào áp dụng mà quá trình hiện đại hoá công nghệ NH phải đáp ứng được những vấn đề sau: đưa ra được các công cụ thanh toán thích hợp; xác định kiến trúc thanh toán thích hợp nhất sao cho phù hợp với hoàn cảnh, tình hình kinh tế ở Việt Nam đồng thời cũng là yếu tố kích thích cho kinh tế Việt Nam phát triển; đặc biệt, cơ sở hạ tầng kỹ thuật phải mang tính hiện đại và có thể sử dụng lâu dài, tránh lạc hậu.

3.2.1.2. Chuẩn hoá quy trình nghiệp vụ thanh toán TDCT:

Ở các NHTM Việt Nam quá trình giải quyết các thủ tục theo phương thức thanh toán tín dụng chứng từ đặc biệt là đối với L/C nhập còn chưa nhanh. Khách hàng phải tiếp xúc với nhiều phòng ban như phòng kinh doanh đối ngoại, phòng kinh doanh, bộ phận ngoại hối... Thêm vào đó thời gian thanh toán cho bộ chứng từ hoàn hảo còn chậm bởi thông thường NH không thanh toán luôn, thậm chí đó là hối phiếu trả tiền ngay. Điều này đã hạn chế tới tính phục vụ kịp thời, ảnh hưởng đến cơ hội kinh doanh

của khách hàng. Để có thể giải quyết vấn đề này một cách lâu dài, các NH cần phải chuẩn hoá quy trình nghiệp vụ thanh toán tín dụng chứng từ sao cho hợp lý, phát huy được tính chủ động và linh hoạt trong từng bộ phận. Một quy trình nghiệp vụ hợp lý phải đảm bảo làm sao giảm thiểu phiền hà cho khách hàng, rút ngắn thời gian làm thủ tục song vẫn đảm bảo tính chặt chẽ và an toàn, không trái với các văn bản pháp luật quốc tế cũng như trong nước.

3.2.1.3. Nâng cao trình độ nghiệp vụ thanh toán viên:

Như chúng ta đã biết, thanh toán TDCT cho đến nay là một phương thức TTQT ưu việt. Nhưng mức độ phục vụ con người tốt đến đâu thì lại phụ thuộc vào chính người XK, người NK và đặc biệt là đội ngũ nhân viên NH: một nhân tố rất quan trọng ảnh hưởng tới chất lượng và hiệu quả của hoạt động TTQT. Đội ngũ cán bộ phòng TTQT có trình độ và trách nhiệm cao thì sẽ tránh được nhiều rủi ro trong thanh toán. Không những thế, trình độ đó phải luôn được trau dồi, nâng cao và cập nhật thông tin mới để có thể nắm bắt kịp thời những biến động trong mọi lĩnh vực, từ đó đưa ra các phân tích phán đoán hỗ trợ cho công tác thanh toán. Do vậy, việc nâng cao trình độ nghiệp vụ của thanh toán viên trong mỗi NH là vấn đề có tính chiến lược.

3.2.1.4. Những giải pháp về hoạt động nghiệp vụ:

a. Đối với L/C NK trả ngay:

Vì tỷ trọng L/C NK chiếm phần lớn so với toàn bộ phương thức thanh toán này nên rủi ro mà các NHTM Việt Nam phải gặp từ phương thức này cũng chiếm tỷ lệ cao trong tổng rủi ro. Do đó, để hạn chế được rủi ro các NHTM Việt Nam cần thực hiện các biện pháp sau:

Cần nâng cao trình độ thẩm định để nắm chắc tình hình tài chính của các doanh nghiệp NK Việt Nam. Các NHTM Việt Nam cần liên hệ chặt chẽ với khách hàng NK để hạn chế rủi ro đạo đức.

Cán bộ làm việc trong lĩnh vực này cần phải tự mình trau dồi nghiệp vụ, nắm vững UCP để kiểm tra được những sai sót nhằm bảo vệ khách hàng của mình được kịp thời. Bên cạnh đó, các NHTM cũng cần liên hệ thường xuyên với khách

hàng NK để nắm vững thông tin về hàng hóa, xem hàng đã được giao hay chưa. Nếu bộ chứng từ phù hợp mà không được giao lên tàu tức là đã có dấu hiệu lừa đảo, thì cần phải dựa vào can thiệp của pháp luật để ngừng thanh toán.

Cần phải cân nhắc những điều kiện bất lợi trong nội dung của L/C đối với NH phát hành.

Các NHTM nên quy định mức ký quỹ hợp lý. Đây cũng là vấn đề rất nhạy cảm trong kinh doanh. Bởi vì, chỉ có định mức ký quỹ hợp lý, NHTM mới có thể tránh được các rủi ro về tỷ giá, rủi ro tín dụng. Nếu tỷ giá tăng mạnh, với tỷ lệ ký quỹ cao trong trường hợp khách hàng NK có rủi ro tín dụng, không còn khả năng thanh toán số tiền ký quỹ sẽ hạn chế phần nào thiệt hại cho các NHTM. Các NHTM sẽ được quyền kiểm soát lô hàng và chỉ trả thay khách hàng phần còn lại của trị giá lô hàng trong L/C. Tuy nhiên, vấn đề ở đây là sự cạnh tranh. Khách hàng sẽ không đồng ý với mức ký quỹ quá cao mà các NHTM đưa ra. Bởi vậy cần có sự linh hoạt trong mức ký quỹ, thông thường các NHTM sẽ căn cứ vào các tiêu chí sau:

- Uy tín và khả năng thanh toán của nhà NK: nếu khách hàng là những bạn hàng truyền thống, có uy tín trong thanh toán thì có thể được hưởng mức ký quỹ ưu đãi.
- Khả năng tiêu thụ sản phẩm: tuỳ thuộc loại hàng nhập về có khả năng tiêu thụ nhanh hay chậm, chất lượng như thế nào, thị trường tiêu thụ lớn hay nhỏ, giá có ổn định không... mà quyết định mức ký quỹ phù hợp.
- Hiệu quả kinh tế của lô hàng: tuỳ hiệu quả kinh tế mà định mức ký quỹ cho phù hợp, bởi vì tỷ suất lợi nhuận mà lô hàng mang lại theo giá chuyển nhượng bao giờ cũng thấp hơn giá nhập.
- Căn cứ vào biến đổi tỷ giá: trong thời kỳ có sự biến động về tỷ giá, các NHTM cần điều chỉnh mức ký quỹ để đề phòng rủi ro tỷ giá.

b. Đối với L/C NK trả chậm:

Đối với loại L/C dễ gây rủi ro này, các NHTM phải thực hiện các giải pháp sau:

Chú trọng vào nâng cao chất lượng công tác thẩm định dự án đầu tư. Nên xem đây là một khâu không thể thiếu được trong quá trình đưa ra quyết định bảo lãnh cho doanh nghiệp mở L/C trả chậm với nước ngoài. Nhưng do nghiệp vụ thẩm định là nghiệp vụ khó, các NHTM cần phải tổ chức các lớp huấn luyện thường xuyên cho cán bộ tín dụng để cung cấp những kiến thức cơ bản và cập nhật nhằm giúp họ có thể kiểm tra và đánh giá đúng nhất hiệu quả kinh tế các dự án đầu tư của doanh nghiệp.

Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo đảm tiền vay, đặc biệt là hình thức bảo đảm bằng thế chấp để hạn chế rủi ro tín dụng.

Tiếp tục cập nhật những bổ sung về quy chế bảo lãnh L/C trả chậm, thực hiện theo đúng hướng dẫn trong quy chế. Không nên vì những rủi ro đã xảy ra mà có tâm lý dè chừng, ngại mở những L/C loại này.

Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát L/C trả chậm, quản lý tiền hàng thu được để bảo đảm khả năng thanh toán khi đến hạn.

c. Đối với L/C xuất khẩu:

Trên thực tế, tỷ trọng L/C xuất trong tổng doanh số thanh toán L/C thấp hơn rất nhiều so với L/C nhập. Vì vậy, cần phải phát triển nghiệp vụ này và hạn chế rủi ro do nó gây ra.

Đối với các NHTM là NH thông báo thì phải thực hiện nghiêm ngặt quy trình thanh toán L/C xuất khẩu. Ngoài ra, nhân viên NH cũng nên tư vấn cho khách hàng nước ngoài sửa đổi L/C nếu tìm thấy những điểm bất lợi. Nếu khách hàng không sửa đổi thì nên từ chối để rủi ro phát sinh.

Trước mắt để thực hiện tốt cho vay ứng trước bộ chứng từ, các NHTM cần thực hiện một số vấn đề:

- Nghiên cứu tình hình chính trị của nước nhà NK để quyết định có cho vay ứng trước bộ chứng từ của nhà XK, nhằm tránh rủi ro có thể xảy ra.

- Nên cân nhắc kỹ về các yếu tố như tình trạng của bộ chứng từ, khả năng trả nợ của nhà XK nếu bộ chứng từ không được thanh toán, uy tín trong TTQT của NH phát hành, các điều khoản mập mờ dễ gây tranh chấp, về độ rủi ro của hàng hóa trước khi cho vay.

3.2.1.5. Giải pháp về mặt kiểm tra - kiểm soát:

Các NHTM Việt Nam nên tăng cường hơn nữa các biện pháp kiểm tra, kiểm soát nội bộ, tránh để tình trạng có sơ suất sai biệt trong bộ chứng từ mà không phát hiện ra. Ngoài ra, các NHTM cũng nên đề nghị phòng TTQT trung ương cử cán bộ có năng lực xuống kiểm tra định kỳ về hoạt động TTQT, về thực hiện quy chế TTQT, quy định về huy động vốn và sử dụng nguồn ngoại tệ của các NHTM để kịp thời phát hiện những biến động, những sai phạm và biểu hiện lệch lạc, từ đó có biện pháp cùng các NH điều

chỉnh, uốn nắn kịp thời, ngăn chặn trước rủi ro và các tình huống phức tạp có thể xảy ra.

Ngoài ra, các NHTM cũng nên duy trì việc kiểm tra chéo nghiệp vụ bảo lãnh theo sự phân công của NH nhà nước.

3.2.2. Dưới góc độ doanh nghiệp:

Rủi ro trong phương thức thanh toán TDCT có nguyên nhân từ chính những yếu kém trong nghiệp vụ của các doanh nghiệp XNK và chính họ là người gánh chịu những thiệt hại nặng nề từ những rủi ro đó. Theo số liệu của Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam, có tới 70% giám đốc doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa được đào tạo về nghiệp vụ ngoại thương và TTQT. Trong khi đó 80-85% số doanh nghiệp đó tham gia kinh doanh XNK hoặc uỷ thác XNK. Bởi vậy, yêu cầu đặt ra đối với các doanh nghiệp XNK là cần phải có kế hoạch chiến lược đào tạo các cán bộ vững vàng về chuyên môn, dày dạn về kinh nghiệm, am hiểu thương

mại, pháp luật quốc tế bằng cách cử cán bộ đi học các lớp nâng cao trình độ nhằm cập nhật các kiến thức mới một cách thường xuyên về cả lĩnh vực ngoại thương và TTQT, đặc biệt là thanh toán bằng L/C để có thể trực tiếp thực hiện hoạt động XNK. Có các chính sách đãi ngộ đối với các cán bộ có năng lực. Đồng thời, có chế độ thưởng phạt nghiêm minh nhằm giữ các cán bộ giỏi, khuyến khích họ trau dồi kiến thức, hoàn thành trách nhiệm, trung thành với lợi ích của doanh nghiệp. Ngoài ra, trong quan hệ thanh toán với NH, các doanh nghiệp cần giữ chữ tín, thực hiện đúng các cam kết, chỉ dẫn về thực hiện các điều khoản của L/C với NH. Khi có xảy ra tranh chấp, doanh nghiệp cần phối hợp chặt chẽ với NH để tìm ra nguyên nhân, giải pháp khắc phục triệt để chứ không nên "khoán trắng", quy toàn bộ trách nhiệm cho NH. Nếu thực hiện được điều đó, hoạt động XNK của các đơn vị sẽ có hiệu quả cao, công tác thanh toán TDCT cũng sẽ được nhanh chóng, thuận tiện và an toàn.

3.3. Khuyến nghị đối với các ngành có liên quan:

Ngày nay, xu thế quốc tế hóa, toàn cầu hoá ngày càng phát triển mạnh mẽ đã và đang đem lại cho Việt Nam nhiều cơ hội và thách thức to lớn. Lúc này bàn tay định hướng của Nhà nước lại càng trở nên cần thiết và quan trọng hơn bao giờ hết nhằm đưa đất nước vững bước vào thiên niên kỷ mới. Chính vì vậy, TTQT nói chung và thanh toán TDCT nói riêng rất cần đến những chính sách trực tiếp cũng như các chính

sách hỗ trợ phù hợp để ngày càng phát triển và hạn chế được những rủi ro có thể xảy ra trong NH, cho các đơn vị XNK, gây thiệt hại cho nền kinh tế. Để cụ thể hóa và tạo nền tảng cho các chính sách đó, Nhà nước cần tạo sự phối hợp với các ban ngành có liên quan. Các giải pháp trên có mang lại hiệu quả cao hay không tùy thuộc vào rất nhiều yếu tố, trong đó đặc biệt quan trọng là phụ thuộc vào các cơ quan hữu quan chuyên trách quản lý các lĩnh vực khác có liên quan mật thiết tới công tác TTQT như Bộ thương mại, Hải quan... Các cơ quan này được coi như là mắc xích trong một dây chuyền khép kín của quá trình thực tiễn hóa các giải pháp.

Điều cần thiết là họ nên tạo điều kiện, tránh tư tưởng cục bộ, phối hợp chặt chẽ với các NHTM sao cho quá trình thanh toán cũng như việc giải quyết hậu quả rủi ro diễn ra thuận lợi và nhanh chóng.

KẾT LUẬN

Trong những năm qua, nền kinh tế mở đã mang lại những chuyển biến tích cực đối với hoạt động kinh tế đối ngoại nói chung và hoạt động ngoại thương nói riêng. Kim ngạch XNK tăng qua các năm, nền kinh tế dần được cải thiện và phát triển. Để đạt được kết quả đó phải kể đến sự đóng góp không nhỏ của các NHTM với tư cách là trung gian thanh toán quốc tế, trong đó chủ yếu là phương thức thanh toán TDCT đã giúp cho hoạt động thanh toán XNK diễn ra nhanh chóng và đạt hiệu quả cao. Tuy nhiên, trước sự phát triển mạnh mẽ và đa dạng của thương mại quốc tế thì rủi ro trong hoạt động TTQT nói chung và rủi ro trong thanh toán TDCT nói riêng là điều không thể tránh khỏi. Vì thế, việc phòng ngừa, hạn chế rủi ro là hết sức cần thiết.

Các NHTM trong những năm vừa qua đã nỗ lực và không ngừng đổi mới các nghiệp vụ TTQT nhằm phù hợp với các yêu cầu của kinh tế thị trường. Song trước ngưỡng cửa của công cuộc đổi mới, NH cũng phải đối mặt với không ít khó khăn trở ngại, trong đó những rủi ro trong nghiệp vụ thanh toán TDCT vẫn là mối đe doạ thường xuyên với ngân hàng và các doanh nghiệp. Trước những vấn đề đó, các biện pháp phòng ngừa rủi ro trong thanh toán TDCT một cách thích hợp nhằm hạn chế khả năng xảy ra rủi ro, qua đó hỗ trợ đắc lực cho các doanh nghiệp Việt Nam trong hoạt động mua bán với nước ngoài.

Được giúp đỡ tận tình của giảng viên Đặng Thị Mỹ Dung, đề tài đã hoàn thành được những nhiệm vụ chủ yếu sau:

Thứ nhất, giới thiệu một cách tổng quan về phương thức thanh toán TDCT và những rủi ro khi áp dụng.

Thứ hai, phân tích và đánh giá rủi ro trong hoạt động thanh toán TDCT tại các NHTM và tại các doanh nghiệp, từ đó chỉ ra những nguyên nhân gây ra các rủi ro đó.

Thứ ba, trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng rủi ro trong hoạt động thanh toán TDCT, đề tài đưa ra một số giải pháp và khuyến nghị nhằm hạn chế rủi ro trong phương thức thanh toán TDCT cho hàng xuất.

Do đây là một lĩnh vực khá phức tạp nên những đề xuất của em không thể tránh khỏi những thiếu sót, nhóm kính mong nhận được sự đóng góp của thầy cô để đề tài hoàn thiện hơn.

1.1.1.1.12

MỤC LỤC

T

rang

LỜI MỞ ĐẦU

PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN TÍN DỤNG CHỨNG TỪ 1

1.1. Thanh toán quốc tế..... 1

1.1.1. Khái niệm về thanh toán quốc tế..... 1

1.1.2. Vai trò của hoạt động thanh toán quốc tế..... 1

1.2. Giới thiệu về phương thức thanh toán TDCT..... 3

1.2.1. Khái niệm về phương thức thanh toán TDCT 3

1.2.2. Các bên có liên quan trong phương thức thanh toán tín dụng chứng từ trong ngoại thương

1.2.3. Những quy định quốc tế áp dụng trong phương thức TDCT 5

1.2.4. Quy trình, nghiệp vụ thanh toán TDCT..... 7

1.2.5. Nội dung của thư tín dụng 8

1.2.6. Phân loại L/C..... 10

1.3. Định nghĩa rủi ro và phân loại rủi ro 13

1.3.1. Khái niệm rủi ro 13

1.3.2. Rủi ro trong thanh toán quốc tế..... 14

1.3.2.1. Rủi ro quốc gia..... 15

1.3.2.2. Rủi ro về quản lý hối đoái 15

1.3.2.3. Rủi ro đối tác..... 15

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG RỦI RO TRONG THANH TOÁN HÀNG XUẤT THEO PHƯƠNG THỨC TÍN DỤNG CHỨNG TỪ..... 16

2.1. Rủi ro đối với góc độ NH..... 16

2.1.1. NH phát hành L/C 16

2.1.2. NH thông báo 17

2.1.3. NH xác nhận..... 17

2.1.4. NH được chỉ định 17

2.2. Rủi ro đối với góc độ doanh nghiệp 18

2.2.1. Rủi ro đối với nhà xuất khẩu..... 18

2.2.2. Rủi ro đối với nhà nhập khẩu..... 21

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HẠN CHẾ RỦI RO TRONG THANH TOÁN HÀNG XUẤT THEO PHƯƠNG THỨC TÍN DỤNG CHỨNG TỪ 24

3.1. Những giải pháp tầm vĩ mô 24

3.1.1. Hoàn thiện môi trường pháp lý cho hoạt động TTQT, trước hết là phương thức thanh toán TDCT 24

3.1.2.Tổ chức thực hiện tốt thị trường ngoại tệ liên NH, tạo điều kiện cho thị trường hối đoái Việt Nam ngày càng phát triển 25

3.1.3. Các NHTM khi tham gia vào thanh toán TDCT phải ban hành, bổ sung,
hoàn chỉnh quy trình cụ thể, chặt chẽ, rõ ràng..... 25

3.2. Những giải pháp tầm vi mô 26

3.2.1. Dưới góc độ NH 26

3.2.1.1. Hiện đại hóa công nghệ NH 26

3.2.1.2. Chuẩn hoá quy trình nghiệp vụ thanh toán TDCT 26

3.2.1.3. Nâng cao trình độ nghiệp vụ thanh toán viên..... 27

3.2.1.4. Những giải pháp về hoạt động nghiệp vụ..... 27

3.2.1.5. Giải pháp về mặt kiểm tra - kiểm soát 29

3.2.2. Dưới góc độ doanh nghiệp..... 30

3.3. Khuyến nghị đối với các ngành có liên quan..... 30

KẾT LUẬN

TÀI LIỆU THAM KHẢO

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. GS. Đinh Xuân Trình, Thanh toán quốc tế trong ngoại thương , Hà Nội, 1998.
2. GS.TS Đoàn Thị Hồng Vân, Quản trị rủi ro và khủng hoảng, NXB Lao động xã hội, 2009.
3. Nguyễn Minh Tuấn, Hướng dẫn thực hành thư tín dụng, NXB TP Hồ Chí Minh, 1999.
4. Nguyễn Trọng Thùy, Hướng dẫn sử dụng Điều lệ và thực hành thống nhất tín dụng chứng từ, NXB Thống kê, 1993
5. GS. TS Lê Văn Tư, Tín dụng tài trợ xuất nhập khẩu, thanh toán quốc tế và kinh doanh ngoại tệ, NXB Thống kê, 2000
6. Tiến sĩ Nguyễn Văn Tiến, Đánh giá và phòng ngừa rủi ro trong kinh doanh ngân hàng, NXB Thống kê Hà Nội.

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

1. NH : Ngân hàng
2. PTTT : Phương thức thanh toán
3. NHNT : Ngân hàng Ngoại thương
4. TNHH : Trách nhiệm hữu hạn
5. NHNN: Ngân hàng Nhà nước
6. NHTM: Ngân hàng thương mại
7. NK : Nhập khẩu
8. TDCT : Tín dụng chứng từ
9. TTQT : Thanh toán quốc tế
10. XK : Xuất khẩu
11. XNK : Xuất nhập khẩu
12. VND : Việt Nam đồng